

Số: 1759 /TYC-BVT

Ninh Thuận, ngày 11 tháng 6 năm 2024

YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty

Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho danh mục mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá

- Đơn vị yêu cầu chào giá: Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận, địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Cừ, P. Văn Hải, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Chi - Phòng VTTBYT – SĐT: 0379.338.838.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
Bản gốc nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận, Đường Nguyễn Văn Cừ, P. Văn Hải, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ 15h ngày 21 tháng 6 năm 2024 đến trước 15h ngày 03 tháng 7 năm 2024. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày mở thư chào giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục chào giá: Mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận (phụ lục 01).
- Yêu cầu hồ sơ nhà thầu tham dự đính kèm các tài liệu sau:
 - Thư chào giá hoặc bảng báo giá của nhà thầu theo mẫu tại phụ lục 02.
 - Tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật của hàng hóa tại phụ lục 02.1 (Số phiếu tiếp nhận, số lưu hành, số đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu; Phân loại TBYT; Hồ sơ công bố tiêu chuẩn loại A, B; Mã kê khai giá).
 - Nhà thầu cung cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) hoặc giấy chứng nhận lưu hành (MA) các nước cho các nhóm danh mục tại phụ lục 01 (nếu có).
 - Catalogue của nhà sản xuất và kèm theo bản dịch sang tiếng Việt của hàng hoá (đính kèm file trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: <https://muasamcong.mpi.gov.vn>

hoặc <https://chaogiattbyt.moh.gov.vn> hoặc vtyt.bvninhthuan@gmail.com hoặc gửi trực tiếp).

- Quyết định trúng thầu hoặc hợp đồng trúng thầu có danh mục tương tự tại các Bệnh viện công lập bằng hình thức đấu thầu rộng rãi gần nhất (nếu có).

3. Địa điểm giao hàng: Kho Vật tư – Phòng VTTBYT, Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Không quá 03 ngày, kể từ ngày Bệnh viện đặt hàng.

5. Dự kiến thanh toán tiền hàng: Trong vòng 03 tháng kể từ khi nghiệm thu hàng hoá.

6. Các thông tin khác:

- Số lượng báo giá: 02 bản.

- Đơn giá trên báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có).

- Hạn dùng của hàng hoá: đề nghị Quý Công ty cung cấp hạn dùng tính từ ngày Bệnh viện nhận được hàng.

- Thư yêu cầu này được đăng tải trên các trang thông tin điện tử: benhvienninhthuan.vn; muasamcong.mpi.gov.vn; chaogiattbyt.moh.gov.vn.

- Ngoài phong bì, Quý công ty ghi rõ thông tin: **Tên đơn vị tham gia báo giá; Tên danh mục báo giá; Người nhận: Chi - Phòng VTTBYT – SĐT: 0379.338.838, Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận.**

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCG₅

GIÁM ĐỐC



***Lê Huy Thạch**

**DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ, HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM
PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÁM, CHỮA BỆNH**

(Đính kèm Thư yêu cầu số: 1759 /TYC-BVT ngày 11 / 6 /2024 của Bệnh viện tỉnh)

Stt	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng
I.	Nhóm số 1: Chỉ phẫu thuật			
1	Chỉ tan chậm tự nhiên	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm số 0, dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	Tép	1.260
2	Chỉ tan chậm tự nhiên	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm số 1, dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 40mm	Tép	6.000
3	Chỉ tan chậm tự nhiên	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm số 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	Tép	6.000
4	Chỉ tan chậm tự nhiên	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm số 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	Tép	200
5	Chỉ tan chậm tự nhiên	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm số 4/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	Tép	250
6	Chỉ không tan đơn sợi	Chỉ không tan đơn sợi Polyamide số 2/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C dài 26-30mm	Tép	2.400
7	Chỉ không tan đơn sợi	Chỉ không tan đơn sợi Polyamide số 3/0 dài 70-75cm, kim tam giác 3/8C dài 26mm	Tép	16.300
8	Chỉ không tan đơn sợi	Chỉ không tan đơn sợi Polyamide số 4/0 dài 70-75cm, kim tam giác 3/8C dài 19mm	Tép	350
9	Chỉ không tan đơn sợi	Chỉ không tan đơn sợi Polyamide số 5/0 dài 70-75cm, kim tam giác 3/8C dài 16mm	Tép	520
10	Chỉ không tan đơn sợi	Chỉ không tan đơn sợi Polyamide số 6/0 dài 45cm, kim tam giác 3/8C dài 12-13mm	Tép	100
11	Chỉ không tan đơn sợi	Chỉ không tan đơn sợi Polyamide số 10/0 dài 30cm, kim hình thang 3/8C dài 6mm	Tép	100
12	Chỉ tan nhanh tự nhiên	Chỉ tan nhanh tự nhiên số 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	Tép	6.000
13	Chỉ tan tổng hợp đa sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolic Acid số 1 dài 90cm, kim tròn 1/2C dài 40mm, được phủ Epsilon-Caprolactone hoặc tương đương	Tép	13.000
14	Chỉ tan tổng hợp đa sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolic Acid số 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 26mm, Epsilon-Caprolactone hoặc tương đương	Tép	100
15	Chỉ tan tổng hợp đa sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolic Acid số 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 26mm, Epsilon-Caprolactone hoặc tương đương	Tép	3.800
16	Chỉ tan tổng hợp đa sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolic Acid số 2/0 dài 90cm, kim tròn 1/2C dài 36-37mm	Tép	6.000
17	Chỉ không tan đa sợi	Chỉ không tan đa sợi số 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	Tép	1.000
18	Chỉ không tan đa sợi	Chỉ không tan đa sợi số 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	Tép	3.000
19	Chỉ không tan đa sợi	Chỉ không tan đa sợi số 3/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C dài 26mm	Tép	2.000
20	Chỉ không tan đa sợi	Chỉ không tan đa sợi số 6/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C dài 12-13mm	Tép	50
21	Chỉ không tan đa sợi	Chỉ không tan đa sợi số 4/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C dài 18mm	Tép	1.100
22	Chỉ không tan đa sợi	Chỉ không tan đa sợi số 5/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C dài 16mm	Tép	600
23	Chỉ thép không tiêu	Chỉ thép không gỉ, không kim số 1 dài 40cm	Tép	100
24	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 2/0 dài ≥120cm, kim tròn đầu cắt 1/2C dài 26mm	Tép	300
25	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 3/0 dài 75-90cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	Tép	100
26	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 4/0 dài 90cm, kim tròn 1/2C dài 20-22mm	Tép	200
27	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 5/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 13-18mm	Tép	100
28	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 6/0 dài 75cm, kim tròn 3/8C dài 10-13mm	Tép	30
29	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 7/0 dài 45-60cm, kim tròn 3/8C dài 6.4mm	Tép	100

Khánh

Stt	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng
30	Chỉ tan tổng hợp đa sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 4/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 20-22mm	Tép	400
31	Chỉ tan tổng hợp đa sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1 dài 90cm, kim tròn 1/2C dài 40mm	Tép	3.300
32	Chỉ tan tổng hợp đa sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2/0 dài 70-75cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	Tép	300
33	Chỉ tan tổng hợp đa sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0 dài 70-75cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	Tép	1.900
34	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 1 dài 90cm, kim tròn 1/2C dài 48mm	Tép	300
35	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 1 dài 45-70cm, kim tròn 1/2C dài 40mm	Tép	100
36	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 3/0 dài 70cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	Tép	80
37	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 5/0 dài 70cm, kim tròn 3/8C dài 13mm	Tép	250
38	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 6/0 dài 45-70cm, kim tròn 1/2C dài 13mm	Tép	50
39	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 7/0 dài 70cm, kim tròn 3/8C dài 9-9.3mm	Tép	300
40	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polyglecaprone 25 số 3/0 dài 70cm, kim tròn 1/2C dài 18-26mm	Tép	100
41	Chỉ không tan đa sợi	Chỉ không tan đa sợi số 5/0 dài \geq 76cm, kim tam giác 3/8C dài 10mm	Tép	50
II. Nhóm số 2: Băng băng gạc				
1	Băng cuộn y tế	Kích thước: \geq (0,1m x 2,5m) Là dạng gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%	Cuộn	32.000
2	Băng keo hấp nhiệt y tế	Kích thước: \geq (12mm x 55m) Có các vạch chỉ thị hiển thị sự thay đổi màu sắc trực quan khi tiếp xúc với quy trình tiệt trùng bằng hơi nước	Cuộn	365
3	Băng keo cá nhân vải	Kích thước: \geq (2cm x 6cm) Băng keo co giãn tốt và có độ dính cao, gạc phủ lớp lưới polyethylene chống dính, có kiểm tra vi sinh	Miếng	345.000
4	Băng keo lụa	Kích thước: \geq (2,5cm x 5m) Chất liệu bằng vải lụa, keo Zinc oxide không dùng dung môi phủ đều, có kiểm tra vi sinh	Cuộn	70.000
5	Băng keo thun co giãn	Kích thước: \geq (6cm x 4,5m) Cổ định khớp, băng thun màu trắng, cotton 100%, keo Zinc oxide không dùng dung môi, có kiểm tra vi sinh	Cuộn	300
6	Băng keo thun co giãn	Kích thước: \geq (8cm x 4,5m) Cổ định khớp, băng thun màu trắng, cotton 100%, keo Zinc oxide không dùng dung môi, có kiểm tra vi sinh	Cuộn	2.000
7	Băng phim vô trùng	Kích thước: \geq (10cm x 12cm) Màng phim trong suốt, băng phim trong suốt có bao bì plastic đảm bảo vô khuẩn riêng từng miếng băng	Miếng	400
8	Băng phim vô trùng	Kích thước: \geq (6cm x 7cm) Màng phim trong suốt, băng phim trong suốt có bao bì plastic đảm bảo vô khuẩn riêng từng miếng băng	Miếng	300
9	Băng thun 3 móc	Kích thước: \geq (0,1m x 3m) Độ đàn hồi đa 6m, được làm từ sợi polyester và cao su thiên nhiên	Cuộn	14.000
10	Băng cố định vết thương	Kích thước: \geq (10cm x 4,5m) Làm từ thạch cao liền gạc	Cuộn	5.600
11	Băng cố định vết thương	Kích thước: \geq (15cm x 4,5m) Làm từ thạch cao liền gạc	Cuộn	4.300
12	Bông y tế	Bông thấm nước, không tiệt trùng, được làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton, màu trắng, không mùi. chỉ có sợi bông không có loại sợi nào khác, không mùi, sợi mảnh, mềm, đã loại mỡ, tẩy trắng và làm tơi, màu trắng tự nhiên sau tẩy, không dùng chất tạo màu	Kg	3.000

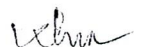
Stt	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng
13	Bông y tế	Bông không hút nước làm từ 100% sợi bông, không loại mỡ. Sợi mảnh, mềm, trơn, có độ đàn hồi cao, không mùi, bông chưa tẩy trắng có màu hơi ngà vàng bóng	Kg	150
14	Bông viên	Kích thước: $\geq (2,5\text{cm} \times 3,5\text{cm})$ hoặc $\geq (3,5\text{cm} \times 4\text{cm})$ Được làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton, chỉ có sợi bông không có loại sợi nào khác, không mùi, sợi mảnh, mềm, đã loại mỡ, tẩy trắng và làm tơi, màu trắng tự nhiên sau tẩy, không dùng chất tạo màu	Kg	350
15	Gạc y tế	Khô: $\geq 0,8$ mét Được dệt từ sợi cotton 100%. Sợi chắc, mịn, không ẩm ướt, không mùi, hoàn toàn trắng, không dùng chất tạo màu, chỉ có sợi bông, không tạp chất	Mét	80.000
16	Gạc dẫn lưu	Kích thước: $\geq (0,01\text{m} \times 2\text{m} \times 4\text{lớp})$ Làm từ vải không dệt, không có mùi, đã tiệt trùng bằng khí EO	Cuộn	150
17	Gạc ép sọ não	Kích thước: $\geq (2\text{cm} \times 8\text{cm} \times 4\text{lớp})$ Làm bằng nguyên liệu gạc sản xuất từ vải không dệt 100%, không có mùi, tiệt trùng bằng khí EO Gói/ ≥ 20 miếng	Gói	500
18	Gạc phẫu thuật ổ bụng có cản quang	Kích thước: $\geq (40\text{cm} \times 40\text{cm} \times 6\text{lớp})$ Được dệt từ sợi cotton 100%. Sợi chắc, mịn, không ẩm ướt, không mùi, hoàn toàn trắng, không dùng chất tạo màu trắng, chỉ có sợi bông, không tạp chất, tiệt trùng bằng khí EO	Miếng	30.500
19	Gạc y tế	Kích thước: $\geq (7,5\text{cm} \times 7,5\text{cm} \times 8\text{lớp})$ Được dệt từ sợi cotton 100%. Sợi chắc, mịn, không ẩm ướt, không mùi, hoàn toàn trắng, không dùng chất tạo màu trắng, tiệt trùng bằng khí EO, hút nước	Miếng	2.000.000
20	Xốp cầm máu	Kích thước: $\geq (5\text{cm} \times 8\text{cm})$ Vật liệu cầm máu bằng collagen	Miếng	150
21	Vật liệu cầm máu tự tiêu	Kích thước: $\geq (7\text{cm} \times 5\text{cm} \times 1\text{cm})$ Miếng xốp cầm máu tự tiêu bằng gelatin dạng bột xốp màu trắng tiệt trùng, Độ phồng sau khi thấm hút bằng 40 lần so với kích thước sản phẩm	Miếng	1.000
22	Vật liệu cầm máu tiệt trùng	Kích thước: $\geq (10\text{cm} \times 20\text{cm})$ Vật liệu cầm máu tự tiêu, có tính kháng khuẩn, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp	Miếng	350
III. Nhóm số 3: Găng tay và vật tư y tế phòng mổ				
1	Áo phẫu thuật	Áo sử dụng trong phòng mổ. Được tiệt trùng bằng khí EO. Bao gồm: 1. Áo phẫu thuật size L 135cm x 160cm, Vải không dệt y tế 5 lớp SMMMS: 01 cái 2. Khăn thấm 40cm x 57cm: 02 cái	Cái	300
2	Bao chụp đầu đèn	Được tiệt trùng bằng khí EO Bao chụp đầu đèn có may thun co giãn $\varnothing 65\text{cm}$, màng phim PE trong	Cái	1.500
3	Bao kính chắn chì	Được cấu tạo từ màng phim PE trong Kích thước: 100cm x 120cm	Cái	3.000
4	Bộ khăn chụp mạch vành	Sử dụng trong các ca chụp và can thiệp mạch vành, vải không dệt y tế 5 lớp SMMMS. Được tiệt trùng bằng khí EO. Bộ khăn bao gồm: 1. Khăn trải bàn dụng cụ 2 lớp, Vải SMMMS, màng phim PE xanh, kích thước: 200cm x 240cm : 01 cái 2. Bao chụp đầu đèn, Màng phim PE trong, kích thước: $\varnothing 65\text{cm}$: 01 cái 3. Bao kính chắn chì, Màng phim PE trong, kích thước: 75cm x 100cm: 01 cái 4. Tấm phủ bàn dụng cụ, Màng phim PE trong, kích thước: 150cm x 180cm: 01 cái 5. Tấm phủ chắn chì, Màng phim PE trong, kích thước: 100cm x 140cm: 01 cái 6. Bao dụng remote, Màng phim PE trong, kích thước: 10cm x 26cm: 01 cái 7. Khăn lót, Màng phim PE trong, kích thước: 50cm x 60cm: 01 cái 8. Khăn chụp mạch vành 2 lỗ đùi và 1 lỗ tay, Vải SMMMS, vải thấm, màng phim PE trong, kích thước: 220cm x 370cm: 01 cái	Bộ	300
5	Găng tay cao su y tế	Vật liệu: Latex tự nhiên, có bột, chưa tiệt trùng Kích thước: Chiều rộng size M: $95 \pm 10\text{mm}$ Độ dày vùng ngón tay: Tối thiểu 0.08mm; Lòng bàn tay: Tối thiểu 0.08mm Tổng chiều dài trung bình 240mm	Đôi	1.000.000
6	Găng tay phẫu thuật	Kích cỡ: Size 6,5; 7; 7,5; 8. Có phủ bột chống dính. Bề mặt nhẵn hoặc nhám Chiều dài: 275-282mm $\pm 5-7\text{mm}$ Chiều rộng bàn tay: 83-102mm $\pm 5-6\text{mm}$	Đôi	200.000

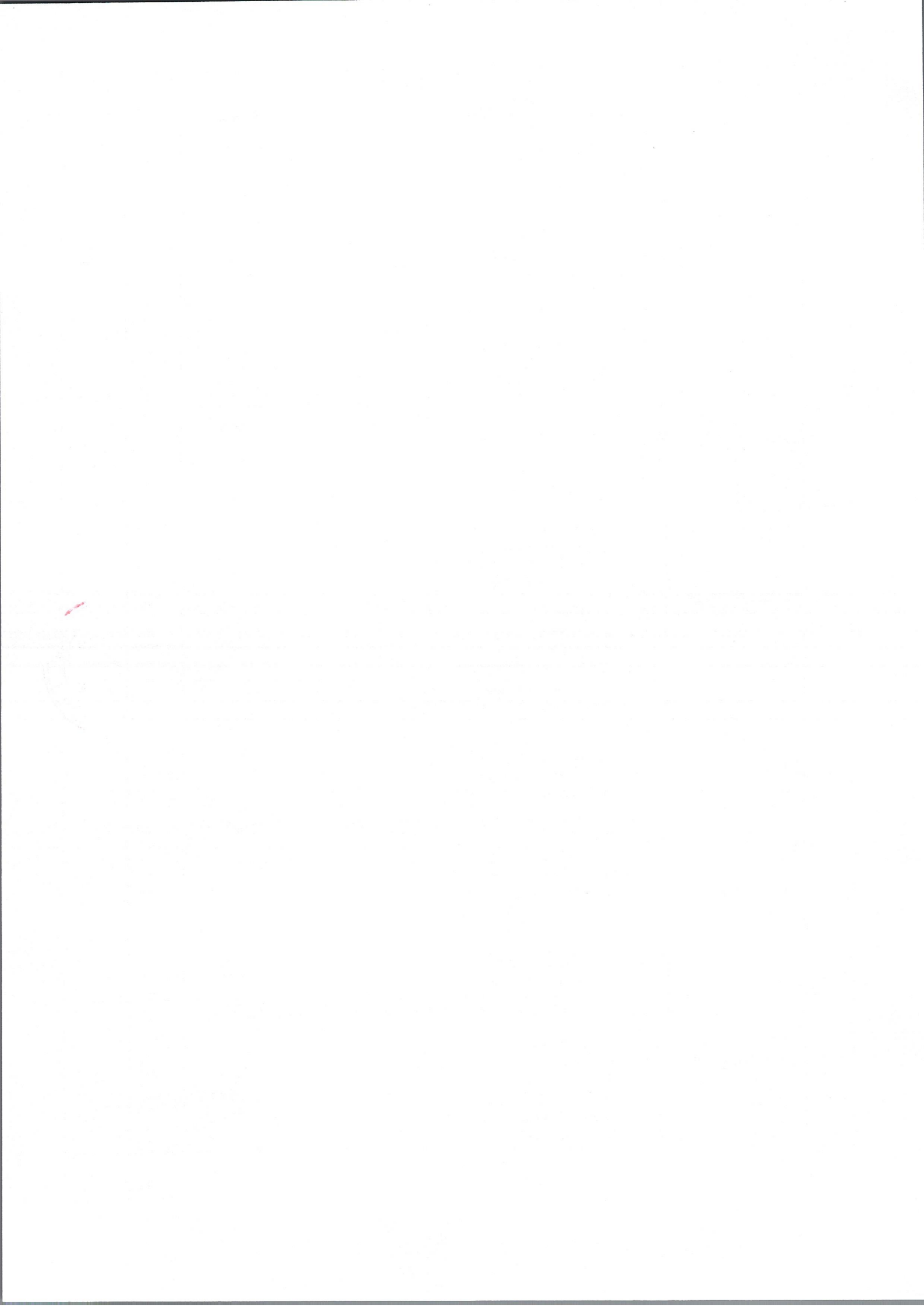


Lehan

Stt	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng
7	Găng phẫu thuật	Kích cỡ: Size 6,5; 7; 7,5; 8. Có phủ bột chống dính, bề mặt nhẵn hoặc nhám. Tiệt trùng bằng khí EO. Chiều dài: 275-282mm ± 5-7mm Chiều rộng bàn tay: 83 - 102mm ± 5-6mm	Đôi	140.000
8	Găng phẫu thuật	Kích cỡ: Size 7, cổ tay dài, Tay trái, tay phải riêng biệt Chiều dài tối thiểu 450 mm Chiều rộng bàn tay: 89mm ± 5mm Tiệt trùng bằng khí EO. Có phủ bột chống dính.	Đôi	1.900
IV.	Nhóm số 4: Vật tư dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống			
1	Kim chọc dò cuống sống	Vật liệu: Thép 304 và nhựa y tế. Gồm: kim mũi kim cương và trocar, kích cỡ ≥11 Gauge, trọng lượng ≥22.9g	Cái	100
2	Bộ bơm áp lực đẩy xi măng	Vật liệu: nhựa y tế cao cấp Hệ thống bơm xi măng không bóng gồm 06 bộ phận: - 01 bộ trộn được trang bị lưỡi dao trộn với vòng xoay ngoại luân, có cửa sổ mở phía bên để lấp xylanh - 01 phễu đổ xi măng và dung dịch trộn - 01 pittong đẩy xi măng vào xy lanh - 01 xy lanh chứa xi măng được kết nối với bộ trộn - 01 tay cầm được sử dụng với xy lanh - 01 ống nối kéo dài tránh tiếp xúc trực tiếp với tia X - Hệ thống bơm được trang bị van an toàn, được kích hoạt khi áp lực bên trong xylanh quá cao hoặc khi bơm đẩy đi quá nhanh - Bộ bơm đo và kiểm soát xi măng với áp lực bơm cao (120 bars) - Dung tích bơm tối đa hơn 10cc	Bộ	50
3	Xi măng sinh học	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha gồm ≥20g xi măng tiệt trùng dạng bột với Barium sulphate 30%, Methyl methacrylate-Styrene-copolymer 68%, Benzonyl peroxide 2% và ≥9g chất lỏng trong lọ vô trùng với thành phần Methyl methacrylate (mono-mer):99.1%, N, N-dimethyl-p-toluidine:0.9%, Hydroquinone 75ppm, là loại xi măng có độ nhớt cao, có cản quang, thời gian làm việc ≥ 8 phút ở 22 độ C	Cái	50
V.	Nhóm số 5: Vật tư y tế dùng cho máy lọc máu			
1	Quả lọc máu liên tục	Quả lọc máu liên tục tương thích với máy lọc máu Prismaflex kèm bộ dây dẫn: Chất liệu: - Sợi lọc AN69 HF: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Vách đầu quả lọc: Polyurethane - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG Phương pháp tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Thông số kỹ thuật của quả lọc: - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc (±10%): 152 ml - Diện tích màng hiệu dụng: 0,9m ² - Đường kính trong của sợi lọc (khí ướt): 240µm - Độ dày thành sợi lọc: 50µm - Tốc độ máu: 75 - 400 ml/phút - Thể tích mỗi máu (chỉ ở quả lọc): 66 ml ±10% - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 30 kg	Bộ	410

Stt	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng
2	Quả lọc máu liên tục	<p>Quả lọc máu liên tục tương thích với máy lọc máu Prismaflex kèm bộ dây dẫn:</p> <p>Chất liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sợi lọc AN69 HF: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Vách đầu quả lọc: Polyurethane - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG <p>Tiệt trùng: EtO (ethylene oxide)</p> <p>Thông số hoạt động của quả lọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu ($\pm 10\%$): 93 ml - Diện tích màng hiệu dụng: 0,6 m² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240μm - Độ dày thành sợi lọc: 50μm - Tốc độ máu: 50 -180 ml / phút - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 11 kg 	Bộ	2
3	Quả lọc máu liên tục	<p>Quả lọc máu liên tục tương thích với máy lọc máu Prismaflex có gắn Heparin kèm bộ dây dẫn có 3 chức năng: loại bỏ Cytokine, loại bỏ nội độc tố, lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết)</p> <p>Chất liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màng lọc cấu tạo 3 lớp: <ul style="list-style-type: none"> + Sợi rỗng AN69 (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer): giúp hấp phụ các Cytokine + Polyethylenimine (PEI): giúp hấp phụ Nội độc tố. + Bề mặt sợi lọc được gắn heparin (4500+/-1500 IU/m²) - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Vách đầu quả lọc: Polyurethane - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG <p>Tiệt trùng: EtO (ethylene oxide)</p> <p>Thông số kỹ thuật của quả lọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - TMP tối đa* (mmHg/kPa): 450/60 - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc ($\pm 10\%$): 193 ml - Diện tích màng: 1,5m² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240μm - Độ dày thành sợi lọc: 50μm - Tốc độ máu: 100 - 450 ml / phút - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 30 kg 	Bộ	150
4	Quả lọc thay huyết tương	<p>Quả lọc trao đổi huyết tương tương thích với máy lọc máu Prismaflex được kết nối sẵn với bộ dây dẫn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể tích máu của cả bộ quả lọc: 127 ml $\pm 10\%$ - Diện tích màng hiệu dụng: 0,35 m² - Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng: Polypropylene - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 330 μm - Độ dày thành sợi lọc: 150 μm - Thể tích máu trong sợi lọc: 41 ml $\pm 10\%$ - Tốc độ máu tối thiểu: 100 ml/phút - Tốc độ máu tối đa: 400 ml/phút 	Bộ	100
5	Catheter động mạch, tĩnh mạch	<p>Catheter dùng để truyền thuốc, truyền dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh dưới 1kg</p> <p>Đóng gói:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 catheter chất liệu PUR +Cỡ 1FR +Dài 20cm +Tốc độ truyền dịch 0.7ml/phút +Thể tích mỗi dịch ban đầu 0.09ml -01 kim dẫn đường cỡ 24G 	Cái	100





PHỤ LỤC 02

MẪU YÊU CẦU CHÀO GIÁ CỦA BỆNH VIỆN TỈNH NINH THUẬN

Kính gửi: Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận, chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Hạn dùng (≥ tháng)	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11) = (9) * (10)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									
	Tổng cộng									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa)

- Đơn giá trên báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí dịch vụ liên quan.
- Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm 2024

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC 02.1

MẪU ĐÍNH KÈM TÀI LIỆU THÔNG SỐ KỸ THUẬT HÀNG HÓA CỦA BỆNH VIỆN TỈNH NINH THUẬN

Kính gửi: Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận

Trên cơ sở yêu cầu cung cấp các tài liệu đính kèm báo giá của Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận, chúng tôi... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] cung cấp như sau:

Stt	Stt theo thư yêu cầu chào giá	Danh mục thiết bị y tế	Tên thương mại	Mã sản phẩm	Phân loại TBYT	Hồ sơ công bố tiêu chuẩn (Loại A, B)	Số lưu hành, số đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu (Loại C, D)	Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) hoặc giấy chứng nhận lưu hành (MA) các nước (nếu có)
1								
2								
...								

....., ngày..... tháng..... năm 2024

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))